UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số 148 /BC-UBND	*Châu Thành, ngày 07 tháng 4 năm 2023*

BÁO CÁO
Công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý I năm 2023

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành, khóa XII, kỳ họp thứ 5 về việc dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2466/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc dự toán thu, chi ngân sách năm 2023;

Uỷ ban nhân dân huyện Châu Thành Công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý I năm 2023 cụ thể như sau:

1. VỀ THU NSNN:

Ước thực hiện thu NSNN trên địa bàn 81,341 tỷ đồng, đạt 39,6% dự toán, tăng 63,4% cùng kỳ, gồm:

2. VỀ CHI NSĐP:

Ước thực hiện chi ngân sách địa phương: 199,83 tỷ đồng, đạt 27,8% dự toán, bằng 96,7% cùng kỳ, trong đó:

Phân theo nhiệm vụ chi

- Chi cân đối NSĐP: 171,29 tỷ đồng, đạt 31,2% dự toán, tăng 38,3% cùng kỳ, trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển: 72,8 tỷ đồng, đạt 138,4% dự toán, tăng 178,4% cùng kỳ;

+ Chi thường xuyên: 98.47 tỷ đồng, đạt 20,3% dự toán, tăng 0,7% cùng kỳ;

- Chi các CTMT, nhiệm vụ: 1,24 tỷ đồng, đạt 0,7% dự toán, tăng 128,8% cùng kỳ.

- Chi bổ sung ngân sách xã: 21,11 tỷ đồng, bằng 78,3% cùng kỳ.

III. CÂN ĐỐI THU, CHI NSĐP

1. Tổng thu NSĐP ..... 358,14 tỷ đồng.

- Thu NSĐP hưởng 100% và thu điều tiết ..... 80,38 tỷ đồng;
- Thu bổ sung từ NST ..... 197,43 tỷ đồng;
- Thu chuyển nguồn ..... 59,27 tỷ đồng;
- Thu bổ sung ngân sách xã ..... 21,11 tỷ đồng;

2. Tổng chi NSĐP..... 199,83 tỷ đồng.

- Chi cân đối Ngân sách địa phương.....171,29 tỷ đồng;
- Chi tạm ứng .....6,18 tỷ đồng;
- Chi các CTMT, nhiệm vụ .....1,24 tỷ đồng;
- Chi bổ sung ngân sách xã .....21,11 tỷ đồng;

(Kèm biểu mẫu số 93, 94, 95/CK-NSNN)

V. ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đạt được

1.1. Về thu ngân sách

Công tác thu ngân sách được sự quan tâm chỉ đạo từ các cấp uỷ Đảng, chính quyền và sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, ban, ngành huyện với các xã, thị trấn; công tác phối hợp, quản lý, khai thác nguồn thu đảm bảo theo dự toán, có 06/12 khoản thu đạt vượt 25% trở lên so chỉ tiêu pháp lệnh cụ thể: Thuế Thu nhập doanh nghiệp: 57,4%; Thuế GTGT: 77,0%; Thuế TTĐB 32,0%; Thu phí lệ phí: 37,1%; Thu tiền sử dụng đất: 26,4%; Thu khác tại xã đạt 32%.

1.2. Về chi ngân sách

Thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định. Trong đó:

- Tổ chức điều hành chi ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định; đảm bảo theo chủ trương của nhà nước về chi an sinh xã hội.

- Chi thường xuyên đảm bảo các nhu cầu chi theo dự toán như: chi đảm bảo an sinh xã hội, chi giáo dục đào tạo, chi quốc phòng, an ninh, chi trả tiền lương và các nhiệm vụ đột xuất khác.

Trên đây là báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý I năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Ẩn

Nơi nhận :
- Phòng TCKH;
- TTHU, TTHĐND;
- VP HĐND &UBND (Đăng Cổng thông tin điện tử huyện);
- Lưu:VT.

UỶ BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH

Biểu số 93/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I	Cùng kỳ	So sánh ước thực hiện với (%)	
					Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2		3=2/1	4
A	**TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**718.356**	**358.148**	**453.778**	**49,9%**	**78,9%**
I	Thu cân đối NSNN	200.661	80.337	51.991	40,0%	154,5%
1	*Thu nội địa*	*200.661*	*80.337*	*51.991*	*40,0%*	*154,5%*
2	*Thu viện trợ*	-				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		59.276	72.229		82,1%
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	517.695	197.427	302.600	38,1%	65,2%
IV	Nguồn CCTL đơn vị tự đảm bảo					
V	Thu của đơn vị sự nghiệp (đảm bảo hoạt động chi TX)					
VI	Thu bổ sung ngân sách xã		21.108	26.958		78,3%
B	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN**	**718.356**	**199.829**	**206.748**	**27,8%**	**96,7%**
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	549.550	171.298	123.898	31,2%	138,3%
1	*Chi đầu tư phát triển*	*52.620*	*72.830*	*26.162*	*138,4%*	*278,4%*
2	*Chi thường xuyên*	*485.930*	*98.468*	*97.736*	*20,3%*	*100,7%*
3	*Dự phòng ngân sách*	*11.000*			*0,0%*	
II	*Chi tạm ứng*		*6.181*	*55.350*		
III	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	168.806	1.243	543	0,7%	228,9%
IV	Chi bổ sung ngân sách xã		21.107	26.957		78,3%

UỶ BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH

Biểu số 94/CK-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**205.161**	**81.341**	**39,6%**	**163,39%**
I	**Thu nội địa**	**197.700**	**77.308**	**39,1%**	**170,06%**
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	63.700	46.719	73,3%	358,81%
1.1	*Thuế TNDN*	*3.070*	*1.761*	*57,4%*	*136,21%*
1.2	*Thuế Tài nguyên*	*3.070*	*432*	*14,1%*	*36,20%*
1.3	*Thuế VAT*	*57.510*	*44.291*	*77,0%*	*445,94%*
1.4	*Thuế TTĐB*	*50*	*16*	*32,0%*	*325,20%*
1.5	*Thu khác CTN*		*219*		*36,67%*
2	Thuế thu nhập cá nhân	54.000	10.620	*19,7%*	85,95%
3	Thuế bảo vệ môi trường				
4	Lệ phí trước bạ	21.550	4.621	21,4%	232,63%
5	Thu phí, lệ phí	4.000	1.485	37,1%	37,14%
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		7		9,40%
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	700	123	17,6%	
8	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	650	32	4,9%	15,78%
9	Thu tiền sử dụng đất	42.000	11.097	26,4%	95,72%
10	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
12	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản				
13	Thu khác ngân sách	8.800	1.869	21,2%	178,09%
14	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác				
15	Thu khác tại xã	2.300	735	32,0%	62,50%
16	Các khoản đóng góp tự nguyện khác				
II	**Thu viện trợ**				
B	**THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP**	**7.461**	**4.033**	**54,1%**	**93,27%**
1	Từ các khoản thu phân chia	7.461	4.033	54,1%	93,27%
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%				

UỶ BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH

Biểu số 95/CK-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	**681.884**	**174.910**	**25,7%**	**95,6%**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN**	**573.980**	**152.559**	**26,6%**	**98,1%**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**188.035**	**72.830**	**38,7%**	**278,4%**
1	Nguồn vốn XDCB tập trung	8.620	7.108	82,5%	82,4%
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	42.000	10.598	25,2%	122,9%
3	Chi ủy thác qua ngân hàng chính sách	2.000	2.000	100,0%	666,7%
4	Vốn ngân sách tỉnh BSMT	135.415	43.048	31,8%	499,4%
5	Tạm ứng năm trước chuyển sang		10.076		
II	**Chi thường xuyên**	**377.167**	**73.549**	**19,5%**	**99,5%**
	Trong đó:				
1	Chi An ninh	754	211	28,0%	2114,8%
2	Chi Quốc phòng	4.401	1.117	25,4%	
3	Chi đặc thù huyện biên giới	240	-	0,0%	
4	Chi SN giáo dục, đào tạo, dạy nghề	246.770	48.425	19,6%	102,1%
5	Chi SN khoa học, công nghệ	230	-	0,0%	
6	Chi SN văn hóa thông tin	1.924	614	31,9%	176,3%
7	Chi SN phát thanh, truyền hình	120	-	0,0%	0,0%
8	Chi SN thể dục, thể thao	450	77	17,2%	39,3%
9	Chi SN đảm bảo xã hội	41.653	11.563	27,8%	
10	Chi SN kinh tế	32.719	2.439	7,5%	52,3%
11	Chi SN môi trường	6.090	9	0,1%	100,0%
12	Chi SN Y tế	3.782	900	23,8%	102,2%
13	Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	34.379	8.194	23,8%	
14	Chi khác ngân sách	1.191		0,0%	
15	Tiết kiệm chi TX 10% tăng thêm so với năm 2022	2.464	-	0,0%	
III	**Dự phòng ngân sách**	**8.778**		**0,0%**	
IV	**Chi tạm ứng**		**6.181**		**11,2%**
B	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN**	**33.016**	**1.243**	**3,8%**	**228,8%**
I	Bổ sung mục tiêu đầu năm	33.016	1.243	3,8%	228,8%
II	Bổ sung mục tiêu trong năm				
C	**CHI BỔ SUNG NGÂN SÁCH XÃ**	**74.888**	**21.108**		**78,3%**